

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ TÍN DỤNG TRUNG, DÀI HẠN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY TRÊN ĐỊA BÀN TP. HỒ CHÍ MINH

Thạc sĩ ĐOÀN ĐÌNH LAM

Hiện nay tình hình kinh tế xã hội của thành phố Hồ Chí Minh đã và đang tăng trưởng cao hơn so với mức tăng trưởng bình quân của cả nước. Tuy nhiên, do chúng ta chưa giải quyết dứt điểm những khó khăn tồn tại từ các năm trước, lại xuất hiện thêm nhiều khó khăn mới, nên tốc độ tăng trưởng ở thành phố Hồ Chí Minh có chiều hướng chậm lại so với các năm trước. Chúng ta có thể thấy tốc độ tăng trưởng nền kinh tế xã hội thành phố Hồ Chí Minh qua các năm như sau :

Năm	1995	1996	1997	1998	6.1999
Tỷ lệ tăng so với năm trước (GDP)	15,3%	14,7%	12,1%	9,2%	5,6%

(Nguồn : Ngân hàng Nhà nước TP. Hồ Chí Minh)

Cùng với xu hướng giảm sút tốc độ tăng trưởng nền kinh tế, hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực tín dụng cũng giảm đi.

1. Tình hình huy động vốn

Nhìn chung tình hình huy động vốn của các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố trong thời gian qua tăng nhưng có xu hướng chậm lại. Điều này thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1 :Tình hình huy động vốn tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố trong thời gian qua

Dvt: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	12.1995	12.1996	12.1997	30.6.98	12.98	30.6.99	30.6.99 so với	
							30.6.98	12.98
Vốn huy động	20.190	24.145	30.979	31.210	35.405	37.817	+21,4%	+7%

(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước TP. Hồ Chí Minh)

- Năm 1996 vốn huy động là 24.145 tỷ, tăng 19,6% so với năm 1995

- Năm 1997 vốn huy động là 30.979 tỷ, tăng 28,3% so với năm 1996

- Năm 1998 vốn huy động là 35.405 tỷ, tăng 14,28% so với năm 1997

- Tổng nguồn vốn huy động dự kiến cuối tháng 6.1999 đạt 37.817 tỷ đồng, tăng 21,4% so với cùng kỳ năm 1998 nhưng chỉ tăng 7% so với cuối năm 1998 .

2. Tình hình sử dụng vốn

Đến thời điểm 30.06.1999 tổng dư nợ cho vay ước thực hiện là : 39.011 tỷ đồng, tăng 5,4% so với cuối năm 1998, trong đó dư nợ cho vay trung, dài hạn là : 9.260 tỷ đồng, giảm 1,6% so với cuối năm 1998, chiếm tỷ trọng 23,7% trong tổng dư nợ cho vay nền kinh tế. Chúng ta có thể thấy dư nợ cho vay trung, dài hạn phân theo nguồn vốn như sau :

Bảng 2 : Dư nợ cho vay trung, dài hạn theo nguồn vốn cho vay

Dvt : Tỷ VNĐ

Nguồn vốn cho vay	12.1997	12.1998	6.1999
1. Nguồn vốn của Ngân hàng thương mại	5.704	8.709	7.087
2.Nguồn vốn XDCB theo kế hoạch của Nhà nước	323	600	988
3. Nguồn vốn ủy thác đầu tư	82	105	1185
Cộng	6.109	9.414	9.260

(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước TP. Hồ Chí Minh)

Như vậy chúng ta có thể thấy được dư nợ cho vay từ nguồn vốn của ngân hàng thương mại đã giảm đi, trong khi đó thì nguồn vốn xây dựng cơ bản theo kế hoạch nhà nước tăng lên (64,6%) và nguồn vốn ủy thác đầu tư (tăng 1.028,5%) - tăng chủ yếu là của chính phủ tập trung đầu tư vào các công trình cơ sở hạ tầng, cải tiến công nghệ thông tin,...

Qua phân tích tình hình kinh tế xã hội và thực trạng công tác tín dụng trung, dài hạn của các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố về công tác huy động vốn, sử dụng vốn,... có thể thấy công tác tín dụng trung, dài hạn còn gặp nhiều khó khăn :

(1) Tài sản thế chấp của một số doanh nghiệp đang nằm kẹt trong các vụ án chiếm tỷ lệ rất lớn trong tổng dư nợ quá hạn (khoảng 70%) nhưng chưa có biện pháp để tháo gỡ. Một số tài sản ngân hàng đã nhận bàn giao của cơ quan điều tra nhưng chưa xử lý ngay để thu nợ được phải chờ xử án mới xử lý (bán hoặc khấu trừ nợ) làm cho thời gian thu hồi nợ kéo dài. Hơn nữa, đối với tài sản thế chấp hợp pháp ở ngân hàng - khi người vay không trả được nợ nhưng ngân hàng không được tự phát mãi để thu nợ mà phải xử lý theo hai hướng sau đây:

- Hướng 1 : kiện ra tòa để tòa xét xử, dù thắng kiện nhưng người vay không trả được nợ, ngân hàng vẫn không tự bán tài sản thế chấp mà phải chờ thi hành án - thông thường thời gian thi hành án kéo dài rất lâu .

- Hướng 2 : đưa tài sản thế chấp sang trung tâm đấu giá nhưng với điều kiện phải được chủ tài sản (người vay) ký đồng ý bán. Quy định này đã bị những người lừa đảo khai thác triệt để để tìm cách dây dưa hoặc quỵt nợ ngân hàng .

Hơn nữa, có trường hợp khi cho vay ngân hàng định giá tài sản thế chấp rất cao nhưng khi cơ quan chức năng định giá thì chỉ còn khoảng 20% - 30% .

(2) Doanh nghiệp không có vốn đối ứng mà chủ đầu tư phải có để tham gia dự án (phần quy định hiện nay ít nhất là 30% tổng giá trị của dự án). Các thủ tục về đất đai, về xây dựng cơ bản còn phức tạp nên kéo dài thời gian thực hiện dự án - Điều này làm nảy sinh tình trạng có nhiều doanh nghiệp đang rất thiếu vốn nhưng các ngân hàng thương mại lại không tìm được khách hàng có uy tín để cho vay.

(3) Nguồn vốn để cho vay trung, dài hạn không nhiều nhưng chưa có chính sách để huy động vốn trung, dài hạn .

(4) Sự phối hợp giữa các ngành chức năng còn nhiều bất hợp lý đã gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp khi đi vay. Cụ thể như : Đối với tài sản thế chấp: Quy định doanh nghiệp nhà nước vay của ngân hàng quốc doanh thì không phải thế chấp; doanh nghiệp nhà nước vay của ngân hàng cổ phần thì phải thế chấp. Thế nhưng khi doanh nghiệp đi vay ngân hàng cổ phần thì cơ quan công chứng không công chứng. Do đó, doanh nghiệp nhà nước không vay được ở ngân hàng cổ phần; còn ngân hàng cổ phần thì mất dần khách hàng có chất lượng.

(5) Về lãi suất : chúng ta có thể thấy thực tế hiện nay lãi suất tín dụng còn là vấn đề hết sức quan trọng trong hoạt động của các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố. Việc Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh lãi suất huy động liên tục trong thời gian vừa qua trong khi tỷ giá của đồng đô la lại biến động theo hướng tăng lên đã dẫn đến tình trạng là tiền gửi tiết kiệm bằng tiền đồng Việt Nam giảm đi nhưng tiền gửi bằng ngoại tệ tăng lên nhưng sử dụng cho vay ngoại tệ ngày càng giảm và cho vay bằng đồng Việt Nam ngày càng tăng nhất là trong giai đoạn gần cuối năm như hiện nay.

Trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội từ nay đến năm 2000 với trọng tâm là thực hiện chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì nhu cầu đầu tư của toàn xã hội nói chung và của thành phố Hồ Chí Minh nói riêng hết sức lớn. Vấn đề đặt ra là chúng ta phải có biện pháp khai thác tốt các nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội phục vụ mục tiêu phát triển thành phố, tập trung đầu tư để tạo ra sự chuyển biến trong các lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị. Mặt khác, tập trung vốn cần thiết cho việc đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu phù hợp với việc mở rộng kinh tế đối ngoại, nhằm từng bước mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, góp phần tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Để thực hiện được điều này đòi hỏi hệ thống ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cần phải có những chính sách thích hợp trong việc tập trung các nguồn vốn sẵn có trong nước cũng như từ bên ngoài và sử dụng các nguồn vốn một cách có hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả kinh doanh tiền tệ tín dụng của ngân hàng và đáp ứng vốn một cách đầy đủ, kịp thời cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để có tăng trưởng kinh tế cao, bền vững và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi phải đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng nhiều hơn, nhanh hơn và ổn định hơn cho nền kinh tế. Chiến lược huy động vốn trong và ngoài nước - đặc biệt là nguồn vốn trung, dài hạn là một trong những khâu quan trọng của chính sách tài chính tiền tệ quốc gia, được coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Như chúng ta biết, trong tổng các nguồn vốn huy động thì tiền huy động từ dân cư bao gồm tiền gửi và phát hành (phát hành mới kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu) ở các ngân hàng thương mại chiếm 75% tổng nguồn vốn. Cơ cấu này cho chúng ta thấy tầm quan trọng bậc nhất của việc huy động vốn là huy động từ dân cư. Đây là yêu cầu hết sức quan trọng và bức thiết đối với việc phát triển kinh tế của cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

Do vậy, trong hoạt động kinh doanh của mình, các ngân hàng thương mại cần phải hoàn thiện cơ chế huy động vốn theo hướng đa dạng hóa các hình thức huy động vốn. Có nhiều biện pháp để huy động vốn trung và dài hạn, trên thực tế chúng ta có thể áp dụng các biện pháp chủ yếu sau :

(1) Đa dạng hóa các hình thức tiền gửi

Trong đa dạng hóa các hình thức tiền gửi hiện nay, cần chú ý quan tâm các hình thức tiền gửi sau đây :

* Tiền gửi thanh toán : áp dụng chủ yếu đối với các doanh nghiệp gửi vào để thanh toán qua ngân hàng và một số ít người có tiền nhàn gửi vào để chi trả bằng séc. Trong

điều kiện hiện nay, chúng ta cần quy định các tổ chức hành chính sự nghiệp mở tài khoản ngân hàng, kể cả Kho bạc nhà nước thanh toán với nhau bằng các thể thức không dùng tiền mặt để tạo điều kiện cho các ngân hàng sử dụng khối tiền mặt tạm thời nhàn rỗi của các cơ quan hành chính sự nghiệp vào quá trình tài trợ cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

* Huy động tiền gửi có kỳ hạn : Huy động tiền gửi có kỳ hạn cần phải định ra nhiều loại kỳ hạn dài ba năm, năm năm, mười năm. Về nguyên tắc lãi suất kỳ hạn dài có lãi suất cao hơn lãi suất kỳ hạn ngắn. Tuy nhiên lãi suất có kỳ hạn dài cũng không thể quá cao so với mặt bằng lãi suất chung trong từng thời điểm cụ thể. Đối với khoản tiền gửi dài hạn, cần phát hành các trái phiếu dài hạn có thể chuyển nhượng được một cách dễ dàng trên thị trường. Các trái phiếu này có thể bán lại cho cá nhân khác, cho các doanh nghiệp, cho các ngân hàng, cho bất cứ tổ chức cơ quan nào có khả năng tài chính và họ muốn mua nó. Trong trường hợp có lạm phát mạnh, giá trị tiền gửi cần phải được đảm bảo. Những quy định này cần phải được công bố cho mọi người được biết và phải được pháp luật bảo hộ.

(2) Huy động vốn qua các thị trường tài chính

* Huy động trực tiếp : Các ngân hàng phát hành các chứng khoán vào thị trường và bán nó rộng rãi trên thị trường cho mọi người, mọi tổ chức. Hình thức này nếu phát hành với một số lượng tăng đều đặn có thể biến hình thức huy động ngắn hạn thành huy động dài hạn. Đây là hình thức huy động kỳ sau để thanh toán cho kỳ trước mà số tiền huy động đã được đầu tư vào nền kinh tế. Hình thức này được áp dụng với điều kiện có một thị trường phát hành nhịp nhàng, ổn định.

* Huy động gián tiếp : Người phát hành các chứng khoán vào thị trường có thể là Nhà nước, các định chế phi tài chính và ngân hàng là người huy động lại từ các chủ thể này chứ không trực tiếp huy động.

(3) Ngân hàng thương mại là người đứng ra nghiên cứu các dự án đầu tư khả thi, sau đó sẽ tiến hành phát hành trái phiếu cho từng dự án cụ thể hoặc kêu gọi các nhà đầu tư khác cùng tham gia vào các dự án đầu tư. Đối với biện pháp này, ngân hàng cần phải công bố công khai luận chứng kinh tế kỹ thuật của dự án đó đến những người muốn tham gia đầu tư để họ đánh giá được hiệu quả của dự án trước khi quyết định tham gia; mặt khác, lãi suất của những người tham gia đầu tư vào các dự án này được hưởng cũng cần phải cao hơn lãi suất tiền gửi của ngân hàng cùng thời kỳ vì đây là tiền gửi để đầu tư sinh lợi chứ không phải là tiền gửi tiết kiệm, có như vậy mới huy động được nguồn vốn của người dân.

(4) Ngân hàng thương mại được ủy thác của ngân sách nhà nước tổ chức huy động vốn trung và dài hạn cho ngân sách, từ đó Nhà nước dùng nguồn vốn này để đầu tư xây dựng vào các cơ sở hạ tầng phục vụ nền kinh tế.

(5) Duy trì chính sách lãi suất hợp lý nhằm tạo nguồn vốn huy động ngắn hạn ổn định để nâng cao tỷ trọng sử dụng nguồn vốn ngắn hạn trong cho vay trung, dài hạn.

Lãi suất là giá cả của khoản tín dụng và có một vai trò nhất định trong việc huy động vốn trung và dài hạn. Hiện nay, nếu so với thị trường tự do ngoài ngân hàng thì mức lãi suất này thấp hơn nhiều. Như vậy, có một lượng tiền của dân cư được huy động không qua kênh ngân hàng với một lãi suất cao hơn ngân hàng. Chúng ta thấy lãi suất là nhân tố kích thích quan trọng để các ngân hàng thương mại lôi kéo khách hàng về phía mình. Do đó, lãi suất cũng cần phải được điều chỉnh kịp thời khi thị trường có biến động nhất là sự tăng giảm về tỷ lệ lạm phát, cũng như sự tăng giảm cung-cầu về vốn trong nền kinh tế. Giải quyết được vấn đề này chắc chắn các ngân hàng sẽ khai thác được nguồn vốn trong dân để phát triển sản xuất kinh doanh, tạo thế cạnh tranh lành mạnh giữa các ngân hàng thương mại quốc doanh, ngoài quốc doanh; các ngân hàng trong nước với các ngân hàng nước ngoài hiện có mặt trên địa bàn thành phố ■